

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24-7-2025

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - VĨNH LONG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc

- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Khắc Hiệp

2. Ông Huỳnh Ngọc Sơn

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Văn Sĩ – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/6/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26/6/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vi Thị Y, sinh năm 1993. (có đơn xin vắng mặt)

Đăng ký thường trú: số H, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre. (Nay là số H, ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long).

Nơi ở hiện nay: Thôn V, xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An (nay là: Thôn V, xã T, tỉnh Nghệ An)

- Bị đơn: Ông Trần Thái N, sinh năm 1986. (vắng mặt)

Nơi cư trú: số H, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre. (Nay là số H, ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 25/4/2025, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ - nguyên đơn bà Vi Thị Y trình bày:

Bà Y và ông Trần Thái N cưới nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là UBND xã A, tỉnh Vĩnh Long) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/5/2012, trong thời gian sống chung có 01 người con chung tên Trần Vi Yến N1, sinh ngày 05/6/2012 hiện nay đang sống chung với bà Y. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên xảy

ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt và đã ly thân đến nay không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Nay bà Y yêu cầu Toà án xem xét giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Bà Y yêu cầu được ly hôn với ông Trần Thái N. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về con chung: Bà Y yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Trần Vi Yến N1, sinh ngày 05/6/2012. Bà Y không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Bị đơn ông Trần Thái N vắng mặt và cũng không có ý kiến gửi đến Tòa án nên không có ý kiến trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến giải quyết vụ án cho rằng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng; Tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục tố tụng; người tham gia tố tụng là nguyên đơn nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền của mình trong quá trình tố tụng, tuy nhiên bị đơn đã vi phạm không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vi Thị Y:

Về hôn nhân: Bà Y được ly hôn với ông Trần Thái N. Bà Y không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết;

Về con chung: Giao cháu Trần Vi Yến N1, sinh ngày 05/6/2012 cho bà Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Bà Y không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Bà Y trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Bà Vi Thị Y yêu cầu ly hôn với ông Trần Thái N, do bị đơn sinh sống tại xã A, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Vi Thị Y có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trần Thái N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không có mặt theo yêu cầu của Tòa án. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Bà Vi Thị Y và ông Trần Thái N cưới nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là UBND xã A, tỉnh Vĩnh Long) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/5/2012 nên hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai bên không có thiện chí dung hòa khắc phục mâu thuẫn hiện nay đã ly thân, trong khoảng thời gian không sống chung hai bên không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn tình cảm, cũng như hai bên không có giải pháp nào giải quyết những mâu thuẫn để sum họp gia đình và từ khi ly thân hai bên có cuộc sống riêng tư, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Xác định các bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở phù hợp tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cho bà Vi Thị Y được ly hôn với ông Trần Thái N. Bà Y không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

[4] Về con chung: xét thấy cháu Trần Vi Yến N1, sinh ngày 05/6/2012 hiện nay đang sống chung ổn định với bà Y; ông N cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu được nuôi con chung của bà Y nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Trần Vi Yến N1, sinh ngày 05/6/2012 (theo nguyện vọng của cháu Yến N1) cho bà Y được trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Y không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu nên không xem xét.

[6] Bà Y phải nộp án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vi Thị Y. Cho bà Vi Thị Y được ly hôn với ông Trần Thái N. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn, không có yêu cầu nên không xem xét.

- Về con chung: Bà Y được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng Trần Vi Yến N1, sinh ngày 05/6/2012. Bà Y không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Ông Trần Thái N có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo qui định.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình: Bà Y phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0011065 ngày 05/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – Vĩnh Long). Như vậy án phí bà Y đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 9 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã AQ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Hữu Lộc